

Số [so] -BC/TU

BÁO CÁO

**đánh giá sơ kết 01 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW
ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá XIII)
về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2023,
tầm nhìn đến năm 2045**

I- ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Đối với Đồng Nai, những kết quả đạt được về phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn mới trong các năm qua là điều kiện hết sức quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh trong thời gian tới. Việc tập trung xây dựng các dự án quan trọng cấp quốc gia như Cảng hàng không quốc tế Long Thành và các dự án giao thông liên kết vùng đang triển khai sẽ tạo động lực, cơ hội thúc đẩy phát triển và chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, Đồng Nai cũng đang đối mặt với những thách thức, đó là: Tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh, gây sức ép lớn về yêu cầu phát triển kết cấu hạ tầng, áp lực dân số ngày càng gia tăng và kéo theo nhiều hệ lụy về mặt xã hội cần phải giải quyết như việc làm, nhà ở, dịch vụ y tế, giáo dục, ô nhiễm môi trường; tình trạng chất lượng nguồn nhân lực thấp; những khó khăn, thách thức trong quản lý nhà nước về công tác, bảo đảm cuộc sống cho người dân bị thu hồi đất khi triển khai thực hiện các dự án lớn về kinh tế, xã hội và vấn đề giải quyết mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội và quá trình đô thị hóa; tình hình đất nông nghiệp có xu hướng giảm, những diễn biến phức tạp, khó lường về thời tiết, thiên tai do biến đổi khí hậu. Tình hình đó, sẽ tạo ra cho nông nghiệp và nông thôn Đồng Nai trong quá trình phát triển một số cơ hội và thách thức:

Về cơ hội: Đồng Nai cùng cả nước bước vào thời kỳ xây dựng nền nông nghiệp có giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững; thị trường và quy mô sản xuất một số loại nông sản có tính cạnh tranh cao sẽ được mở rộng như: cà phê, tiêu, cao su, khoai mì, cây ăn trái, rau xanh, thủy sản....; khả năng tiếp thu và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống của nông dân thuận lợi và nhanh hơn; sự gia tăng doanh nghiệp và mở rộng nguồn vốn đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp, thương mại, dịch vụ nông thôn và đô thị tiếp tục mở rộng; đào tạo, giải quyết việc làm cho dân cư nông thôn có khả năng thực hiện cao cùng với việc nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống. Đặc biệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh đạt được những thành tựu đáng khích lệ....

Về thách thức: Thị trường và quy mô sản xuất một số loại lương thực, nông sản tính cạnh tranh còn thấp như: lúa, bắp, đậu nành, mía, chăn nuôi bò, heo, gà...; trong khi đó, áp lực cạnh tranh lại đòi hỏi tăng mạnh, nhất là về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và giá cả...; sự tác động của biến đổi khí hậu, dẫn đến thiên tai (nắng, hạn, lũ lụt), dịch bệnh; ô nhiễm môi trường do nước thải, rác thải sinh hoạt, công nghiệp; lao động nông nghiệp giảm sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển nông nghiệp và nông thôn; đồng thời, nguy cơ đô thị hóa nông thôn sẽ dễ làm mất đi bản sắc văn hóa làng quê cũng như phân hóa giàu nghèo giữa các cộng đồng dân cư vùng nông thôn sẽ diễn ra mạnh hơn. Những hạn chế nội tại của sản xuất nhỏ, thiếu liên kết, cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn còn thiếu hiện đại, đồng bộ là thách thức lớn để công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

II- CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HỌC TẬP, QUẢN TRIỆT

Xác định công tác tuyên truyền là một trong những công tác đầu tiên của các mặt công tác, ngay sau khi Nghị quyết số 19-NQ/TW được ban hành, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã chủ động triển khai công tác quán triệt nghị quyết đến cán bộ chủ chốt các sở, ban, ngành, các cấp ủy trực thuộc. Sau đó, các đơn vị, địa phương đã triển khai rộng khắp công tác quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết với nhiều hình thức đa dạng, sâu sắc về nội dung đến tất cả cán bộ, đảng viên, hội viên, các thành phần kinh tế và nhân dân.

Sau khi Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW*) được ban hành; ngày 21 và sáng ngày 22/7/2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết bằng hình thức trực tuyến kết nối từ điểm cầu Trung ương đến Hội trường Tỉnh ủy và 13 điểm cầu các cấp ủy trực thuộc tỉnh, 27 điểm cầu cấp xã. Kết quả đã có 100% đảng bộ trực thuộc tỉnh, chi, đảng bộ cơ sở tổ chức học tập, quán triệt các Nghị quyết cho 99,1% và 85,6% đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân.

Triển khai Kế hoạch số 228-KH/TU ngày 20/02/2023 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị triển khai quán triệt và có 100% đảng bộ trực thuộc tỉnh, chi, đảng bộ cơ sở tổ chức học tập, quán triệt cho 99,3% cán bộ, đảng viên và 87,1% đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân.

Hình thức tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài phát thanh truyền hình, trang web địa phương, các sở ban ngành; thông qua tài liệu hỏi đáp, pano, áp-phích, tờ rơi, sổ tay nghiệp vụ về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Kết quả đến nay, đài phát thanh truyền hình đã tổ chức phát sóng được hơn 200 bản tin, phóng sự; chuyên đề, tọa đàm với nội dung tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra, các ngành, đoàn thể và địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động hội thảo, hội thi như: Dân vận khéo, tìm hiểu trực tuyến kiến thức xây dựng nông thôn mới, Thanh niên nông thôn khởi nghiệp gắn với Chương trình OCOP,... đã thu hút đông đảo quần

chúng nhân dân trên địa bàn tỉnh tham gia.

Qua việc triển khai, quán triệt Nghị quyết, các cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên, lực lượng vũ trang, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh đã có sự nhận thức rõ nét và hành động thực hiện Nghị quyết (*nhận thức về tầm quan trọng của vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới; những nội dung cơ bản của Nghị quyết; cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước; xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc tổ chức thực hiện các mục tiêu mà Nghị quyết đề ra*).

III- VIỆC TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN, THỂ CHẾ HOÁ, CỤ THỂ HOÁ NGHỊ QUYẾT 19

1- Về thể chế hoá Nghị quyết

Sau khi Nghị quyết số 19-NQ/TW được ban hành, việc thể chế hóa Nghị quyết được thực hiện đồng bộ ở các cấp, các ngành, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 228-KH/TU ngày 20/02/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chính sách đặc thù của tỉnh về phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030; hỗ trợ lãi suất đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ điện sinh hoạt, các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản, chăn nuôi, mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn, mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, quy định triển khai thực hiện, nhất là Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

2- Công tác lãnh đạo chỉ đạo

Về chỉ đạo điều hành, ở 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) đều đã thành lập “Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới” và các cơ quan, bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo: Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới, Tổ chuyên viên giúp việc cấp tỉnh, huyện, cán bộ chuyên trách cấp xã. Các cấp ủy đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội từ tỉnh đến huyện, xã đều triển khai, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết, kế hoạch cụ thể hàng năm của đơn vị đề tổ chức thực hiện.

Gắn với việc thể chế hóa Nghị quyết Trung ương, tỉnh đã tập trung ban hành nhiều cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền về huy động và sử dụng nguồn lực để chỉ đạo thực hiện. Các chính sách sau khi ban hành đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn, các chính sách xã hội hóa về giao thông, điện, nhà văn hóa... đã huy động khá tốt các nguồn lực để phát triển hạ tầng giao thông, điện, hệ thống nhà văn hóa các cấp huyện, xã, ấp; đã hỗ trợ tích cực cho nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, dịch vụ và xây dựng nông thôn mới.

3- Đánh giá tình hình sau 01 năm thực hiện Nghị quyết 19

** Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân được quan tâm chỉ*

đạo đạt nhiều kết quả nhất định: phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; nâng cao lợi thế cạnh tranh sản phẩm ngành hàng và toàn ngành nông nghiệp tỉnh. Các cây, con chủ lực đã được sắp xếp và hình thành rõ các vùng sản xuất tập trung: vùng cây chuyên canh, sản phẩm có khả năng xuất khẩu, có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng địa phương: xoài ở Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc; cà phê ở Định Quán, Tân Phú, Cẩm Mỹ; tiêu ở Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ; sầu riêng ở Cẩm Mỹ, Long Khánh, Tân Phú; chôm chôm ở Long Khánh; ca cao ở Định Quán, Tân Phú; bưởi ở Vĩnh Cửu, Tân Phú... đặc biệt sản phẩm Bưởi Tân Triều và Chôm chôm Long Khánh được cấp chỉ dẫn địa lý. Tập trung đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: năng suất các loại cây trồng chính đều tăng; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: sản xuất hữu cơ, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, 100% diện tích trồng mới và tái canh đã sử dụng các giống mới, giống có chất lượng cao.

Thực hiện nhiệm vụ đột phá về phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ nông sản, đến nay đã xây dựng được 06 mô hình sản xuất nông nghiệp đạt chứng nhận hữu cơ, với quy mô 12,2 ha; hình thành 45 mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh tiêu thụ qua hợp đồng liên kết đạt 40%; tỷ lệ các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả đạt 52%.

Hoạt động chăn nuôi phát triển ổn định, chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng công nghiệp, hiện đại, giá trị sản xuất chăn nuôi chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất nội bộ ngành nông nghiệp và thúc đẩy chuyển dịch mạnh về cơ cấu kinh tế ngành. Số lượng đàn heo của tỉnh đến tháng 09/2023 khoảng 2,43 triệu con, gà khoảng 25 triệu con, đã hình thành nhiều mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại: nuôi heo trong chuồng lạnh, sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi, mô hình nuôi bò sinh sản, mô hình nuôi gà trên thảm sinh học...

Nuôi trồng và khai thác thủy sản: diện tích nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển, đến nay toàn tỉnh là 6.026 ha. Phát triển nhiều loại hình nuôi, đa dạng, áp dụng các công nghệ, mô hình nuôi tiên tiến, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, nhiều mô hình nuôi năng suất cao, tiêu biểu tại các huyện: Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch với đối tượng nuôi như: cá lăng, tôm thẻ chân trắng, tôm sú, tôm càng xanh...; tăng cường công tác bảo vệ, tái tạo nguồn lợi và cấm những nghề gây xâm hại nguồn lợi, ảnh hưởng đến đời sống sinh kế của ngư dân.

Về lâm nghiệp: tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng, đẩy mạnh trồng, nâng cao chất lượng rừng, đa dạng sinh học, theo dõi và hướng dẫn các hộ thực hiện có hiệu quả hợp đồng nhận khoán rừng. Kết quả trên đã góp phần giữ tỷ lệ che phủ rừng đạt 29,24%. So với các tỉnh vùng Đông Nam bộ, Đồng Nai là tỉnh có diện tích và tỷ lệ che phủ rừng cao nhất.

Phát triển chuỗi liên kết đạt kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy mạnh tính chuyên môn hóa, mở rộng sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm. Hiện trên địa bàn toàn tỉnh có 200 chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản. Trong

đó, 23 dự án/kế hoạch liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, 06 chuỗi liên kết trên địa bàn huyện Xuân Lộc, Long Khánh, Thống Nhất đang triển khai xây dựng dự án để trình phê duyệt; 177 chuỗi do các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân chủ động thực hiện. Một số địa phương tiêu biểu trong việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, như: Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất.

Cùng với thực hiện tái cơ cấu, đẩy mạnh phát triển sản xuất ngành nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ có bước phát triển, đã có sự tác động khá rõ, hỗ trợ trở lại cho nông nghiệp, nông thôn phát triển. Các cơ sở chế biến nông sản tập trung vào các ngành hàng có lợi thế của tỉnh như cây ăn trái, cây công nghiệp có giá trị cao, đồ gỗ. Hoạt động thương mại dịch vụ nông thôn. Điểm nổi bật, trên địa bàn tỉnh có chợ đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây góp phần tạo tiền đề trong việc phân phối, tiêu thụ nông sản cho nông dân trên địa bàn và khu vực. Dự ước giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng đầu năm 2023 (theo giá so sánh 2010) đạt 37,4 nghìn tỷ đồng, tăng 3,69 % so với 9 tháng đầu năm 2022.

** Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống*

Sự nghiệp phát triển giáo dục, y tế, văn hóa vùng nông thôn có sự chuyển biến rõ nét: về giáo dục, thực hiện khá tốt việc thu hút giáo viên về công tác ở vùng nông thôn, công tác dạy và học được đổi mới và nâng cao chất lượng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn. Tỷ lệ huy động trẻ vào nhà trẻ đạt 42,78%, trẻ vào mẫu giáo đạt 99,14%, riêng trẻ 5 tuổi đạt 99,66%; Tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào lớp 1 luôn được duy trì, giữ vững đạt 100%. Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ mức độ 2, đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học mức độ, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe người dân được nâng cao, 100% số trạm y tế xã được bố trí bác sỹ khám và điều trị ban đầu. Tỉnh đã có chính sách hỗ trợ nhân viên y tế cơ sở đang công tác tại trạm y tế, giúp đảm bảo ổn định nguồn nhân lực, phục vụ công tác y tế trên địa bàn. Các trạm y tế xã luôn phân đầu duy trì cơ sở y tế sáng, xanh, sạch, đẹp. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế hàng năm đều đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra 92%. Đời sống văn hóa, tinh thần người dân nông thôn có bước phát triển, hoạt động văn hóa với nhiều mô hình phong phú, thiết thực; toàn tỉnh có 915/925 ấp, khu phố đạt chuẩn văn hoá, đạt tỷ lệ 98,9%; có 98,9% hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa.

Tỉnh đã tập trung thực hiện quyết liệt công tác giảm nghèo với nhiều chủ trương, giải pháp, mô hình hiệu quả: mô hình hỗ trợ giống phát triển sản xuất, hỗ trợ làm đường giao thông, hỗ trợ học sinh nghèo hiếu học, mô hình giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ, nông dân đoàn kết làm giàu, giảm nghèo bền vững... ; thực hiện dự án đào tạo nghề cho người nghèo, dự án khuyến nông cho hộ nghèo, mua, cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho người nghèo theo quy định; vận động xây dựng nhà tình thương cho hộ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai cuối năm 2022 còn 0,77%.

Tập trung đầu tư các công trình cung cấp nước sạch cho hộ dân với nhiều nguồn vốn được huy động, nhà nước, doanh nghiệp, nhân dân. Toàn tỉnh hiện có 63 công trình cấp nước sạch nông thôn đang hoạt động được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, với tổng công suất thiết kế khoảng 66.963m³/ng.đêm, cấp nước thiết kế khoảng 166.606 hộ dân, cùng với việc hỗ trợ của ngân sách nhà nước, việc tuyên truyền vận động các hộ dân lắp đặt thiết bị lọc nước nhỏ lẻ, đến nay, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 82,65%, trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước đạt 35,45% (*từ đầu nối đô thị 19,46%; từ công trình cấp nước tập trung nông thôn 15,99%*). Các địa phương đã tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường. Thường xuyên tuyên truyền và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong các tổ chức, trong toàn dân. Phối hợp các đoàn thể triển khai nhiều chương trình truyền thông đến mọi tầng lớp nhân dân. Công tác quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại ngày càng chặt chẽ. Kết quả, 100% xã có tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn, tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn đạt 100%, có 403.004 hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo hướng dẫn, tỷ lệ đạt 43% số hộ dân toàn tỉnh, khối lượng rác thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn đạt 21,5 % so với khối lượng rác sinh hoạt phát sinh trên toàn tỉnh. Công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và chăn nuôi ngày càng được quan tâm; hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cơ bản đã chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư vận hành các công trình xử lý chất thải. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được tỉnh đặc biệt chú trọng: tập trung tuyên truyền rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân, các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; chú trọng tuyên truyền về những vấn đề đang gây bức xúc xã hội mất an toàn thực phẩm như chất cấm trong chăn nuôi, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong rau, củ, quả, việc sử dụng phụ gia, hóa chất bảo quản ngoài danh mục cho phép trong chế biến, kinh doanh thực phẩm. Đồng thời, thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực an toàn thực phẩm. Nhìn chung, các doanh nghiệp, cơ sở, hộ gia đình sản xuất kinh doanh thực phẩm đã quan tâm ký kết các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm an toàn; nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về việc sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh, vận chuyển sản phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm góp phần cung cấp sản phẩm sạch và an toàn đến tay người tiêu dùng, nâng cao chất lượng cuộc sống.

** Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền*

Hệ thống giao thông nông thôn đã phát triển về số lượng và nâng cấp về chất lượng, góp phần tích cực tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư về khu vực nông thôn, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo và giải quyết được nhiều vấn đề về kinh tế - xã hội, đem lại diện mạo mới, sức sống mới cho vùng nông thôn. Một số địa phương mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng mức độ trải nhựa, bê tông hóa đường giao thông nông thôn tăng cao: huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu,... Kết quả đến tháng 06/2023 tỷ lệ đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, tỷ lệ đường trục thôn xóm

được cứng hóa đạt chuẩn, tỷ lệ km đường ngõ xóm được cứng hóa, sạch và không lầy lội vào mùa mưa và tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt 100%.

Hệ thống thủy lợi được tỉnh quan tâm đầu tư nâng cấp và xây dựng mới: Trên địa bàn tỉnh có 137 công trình thủy lợi đang hoạt động gồm: 18 hồ chứa, 56 đập dâng, 39 trạm bơm, 24 công trình ngăn mặn, ngăn lũ, tiêu thoát lũ; với tổng năng lực phục vụ tưới là 21.104 ha, diện tích ngăn mặn là 5.984 ha; cấp nước sinh hoạt, công nghiệp khoảng 111.703 m³/ngày đêm.

Hệ thống điện đã đến tất cả các xã: Trong những năm qua, tỉnh tiếp tục tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành đầu tư hệ thống lưới điện nông thôn. Kết quả, hệ thống điện nông thôn cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, lưới điện trung, hạ thế hầu như đã phủ kín các khu vực trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ số hộ sử dụng điện từ các nguồn trên địa bàn toàn tỉnh đạt cao (99,99%); đặc biệt đối với các huyện miền núi Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ vốn là những huyện có nhiều khó khăn trong xây dựng và nâng cấp lưới điện quốc gia trong các năm trước đây.

Hệ thống trường học các cấp, mầm non, tiểu học, trung học cơ sở khu vực nông thôn được củng cố và nâng cấp: thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là xã hội hóa giáo dục, hệ thống trường học các cấp ở nông thôn đã được xây dựng mới, nâng cấp và đạt chuẩn theo quy định. Toàn tỉnh có tỷ lệ trường học khu vực nông thôn đạt chuẩn về cơ sở vật chất đạt cao (100%). Nâng cấp, sửa chữa các điểm trường học ở các ấp, đảm bảo điều kiện giảng dạy và học tập, giảm tình trạng học sinh bỏ học, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hệ thống thiết chế văn hóa, hệ thống thông tin truyền thông đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tiếp cận thông tin của dân cư khu vực nông thôn: các cấp, các ngành của tỉnh đã quan tâm tập trung đầu tư xây dựng và phát triển các cơ sở văn hóa để góp phần nâng cao trình độ dân trí, nâng cao đời sống tinh thần của dân cư nông thôn, phù hợp với chủ trương xây dựng nông thôn mới.

Cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông tiếp tục được tăng cường. 100% xã có điểm phục vụ bưu chính, có dịch vụ viễn thông, internet đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ cho tổ chức và cá nhân, 100% các xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp. 100% UBND xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành. Trong đó, 100% UBND xã sử dụng phần mềm quản lý văn bản để gửi nhận văn bản điện tử và quản lý điều hành, sử dụng hiệu quả phần mềm một cửa điện tử eGov và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, người dân đúng hạn trên 95%. Hệ thống thông tin khoa học và công nghệ góp phần nâng cao tri thức người dân nông thôn, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuận lợi trong việc tiếp cận hệ thống mạng Internet, khai thác, sử dụng có hiệu quả các thông tin khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống.

Hệ thống y tế ngày càng hoàn thiện: hệ thống trạm y tế xã tiếp tục phát triển về cơ sở vật chất cũng như số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ y, bác sĩ được nâng cao; 100% các xã có trạm y tế, trong đó có một số trạm y tế xã được nâng cấp thành phòng khám đa khoa, trung tâm y tế khu vực. 100% xã có trạm y

tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Ngoài các trạm y tế xã, khu vực nông thôn còn có các cơ sở y tế khác (bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám đa khoa hoặc chuyên khoa, phòng khám chữa bệnh đông y). Kết quả trên đã đáp ứng cơ bản yêu cầu công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Toàn tỉnh có 91 chợ nông thôn, cùng với các cơ sở bán lẻ khác (cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng tiện ích, siêu thị) đạt chuẩn theo quy định, về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân khu vực nông thôn.

** Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội*

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể các cấp đã chủ động xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch tham gia thực hiện các nhiệm vụ gắn với xây dựng nông thôn mới, phát động nhiều phong trào và tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, toàn thể nhân dân tham gia thực hiện: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì đã phát huy tính chủ động, sáng tạo, nội lực và tinh thần tự quản của người dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội ở từng địa bàn khu dân cư; Phong trào nông dân sản xuất giỏi, đã thúc đẩy, động viên, hỗ trợ nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần quan trọng cho phát triển sản xuất nông nghiệp và nâng cao đời sống; phong trào toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới, đã khơi dậy, huy động mạnh mẽ sự đóng góp của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới; cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; phong trào đền ơn, đáp nghĩa; Hội Cựu chiến binh với mô hình tham gia giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông (1+4: một hộ gia đình cựu chiến binh có trách nhiệm cùng với 04 hộ dân liền kề tham gia), Tỉnh Đoàn với vai trò tuổi trẻ xung kích tham gia xây dựng nông thôn mới, thông qua các hoạt động, phong trào thanh niên tình nguyện như Ngày thứ 7 tình nguyện, Ngày chủ nhật xanh, Tháng thanh niên... thực hiện các công trình, phần việc thanh niên như: xây dựng cảnh quan môi trường, xây dựng nhà nhân ái, thấp sáng ngõ hẻm, làm đường, cầu giao thông nông thôn...

** Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn*

Nhiệm vụ quốc phòng – an ninh trên địa bàn thời gian qua luôn được tỉnh quan tâm trong chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện: Công an, Quân đội ở các cấp xây dựng và ban hành kế hoạch của ngành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện. Xây dựng nâng cao chất lượng lực lượng vũ trang theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đổi mới nội dung, phương pháp công tác nghiệp vụ, nâng cao chất lượng nắm tình hình, dự báo tình hình, chủ động phát hiện, ngăn ngừa, xử lý kịp thời âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, hạn chế thấp nhất những vụ việc phát sinh. Hàng năm, tỉnh thực hiện chặt chẽ, nề nếp, quy trình công tác tuyển quân, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân cả về số lượng và chất lượng, tỷ lệ Đảng viên nhập ngũ đạt chỉ tiêu Quân khu giao. Triển khai, phát động và thực

hiện tốt phòng trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Điểm nổi bật trong công tác này, đã hình thành được các mô hình tự quản về an ninh trật tự, các mô hình hoạt động mang lại hiệu quả thiết thực: tiếng kèng an ninh, thức cho dân ngủ yên, tổ tự quản an ninh, móc khóa an ninh, câu lạc bộ hoàn lương, camera an ninh, mô hình Quỹ doanh nhân với an ninh trật tự, mô hình dân quân năm hộ gia đình nơi cư trú, xây dựng lực lượng chính trị nòng cốt (*dân quan, quân nhân dự bị làm việc tại các công ty, doanh nghiệp*),... Tình hình quốc phòng, an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh luôn được đảm bảo ổn định, giữ vững, góp phần phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

** Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới* : Đến nay toàn tỉnh có 120/120 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 96/120 xã đạt nông thôn mới nâng cao (*đạt 80% mục tiêu Nghị quyết đến năm 2025*); 21/120 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu (*đạt 70% mục tiêu Nghị quyết đến năm 2025*); 30 khu dân cư kiểu mẫu được công nhận; thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2022: 64,67 triệu đồng/người/năm; 11/11 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Tỉnh Đồng Nai được Thủ tướng Chính phủ công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019.

** Huy động nguồn lực thực hiện Nghị quyết*

- Tổng nguồn lực huy động thực hiện từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2023 là 178.318.618 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách địa phương: 5.145.650 triệu đồng (2,9%).
- Vốn tín dụng (dự nợ cho vay): 109.900.000 triệu đồng (61,6%).
- Vốn doanh nghiệp: 51.787.873 triệu đồng (29%).
- Vốn huy động nhân dân: 11.485.620 triệu đồng (6,4%).

4- Đánh giá chung, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

** Kết quả đạt được*

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các cấp ủy đã tập trung chỉ đạo quyết tâm, quyết liệt nhằm thực hiện tốt các chương trình, đề án, dự án về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; việc lồng ghép các chương trình mục tiêu của tỉnh để hỗ trợ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, đã đạt được kết quả quan trọng, là một trong hai tỉnh đầu tiên của cả nước hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, hệ thống giao thông kết nối liên thông giữa các trung tâm, hệ thống trường học đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, trạm y tế đạt chuẩn, điện đáp ứng thường xuyên cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt dân cư; môi trường sinh thái có bước cải thiện; hệ thống chính trị được củng cố và nâng cao về chất lượng hoạt động; an ninh trật tự chính trị được giữ vững; đời sống vật chất tinh thần người dân khu vực nông thôn nâng cao rõ nét. Đến nay, toàn tỉnh có 96/120 xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao (*đạt 80% mục tiêu đến năm 2025*), 21/120 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (*đạt 70% mục tiêu đến năm 2025*), 30 khu dân cư kiểu mẫu. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2022 ước đạt 64,67 triệu đồng/người/năm, tăng 7,44% so năm 2021. Tỷ

lệ hộ nghèo khu vực nông thôn theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai cuối năm 2022 còn 0,77%.

*** Tồn tại, hạn chế**

Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa thật bền vững; các xã vùng sâu, vùng xa cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch chậm, công nghiệp, thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng còn thấp; chuỗi liên kết sản xuất với tiêu thụ, mô hình nông nghiệp công nghệ cao phát triển chưa mạnh, thị trường tiêu thụ, sức cạnh tranh của sản phẩm chưa thật sự ổn định.

Nông thôn đã có bước đổi mới và phát triển nhưng cảnh quan môi trường một số nơi chưa thật sự sáng – xanh – sạch – đẹp; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn có bước phát triển, nhưng chưa mang tính hiện đại. Công tác duy tu bảo dưỡng các công trình sau đầu tư còn chưa được thường xuyên, kịp thời.

Đời sống của người nông dân tuy được cải thiện đáng kể nhưng nhìn chung vẫn còn thấp so với tiềm năng. Ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực sản xuất, chăn nuôi vẫn còn, xử lý rác sinh hoạt trong khu dân cư còn nhiều khó khăn, cấp nước sạch sinh hoạt tập trung còn thấp, nhất là vùng sâu, vùng xa.

*** Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế**

- Nguyên nhân khách quan:

+ Do tác động ảnh hưởng tình hình kinh tế chung của thị trường thế giới như giá cả nguyên vật liệu đầu vào, giá sản phẩm tiêu thụ, đặc biệt nông sản chưa thật sự ổn định.

+ Việc điều chỉnh, sửa đổi một số cơ chế, chính sách còn chậm so với yêu cầu thực tiễn đặt ra: chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số địa phương tuy đạt chuẩn, nhưng còn có tiêu chí chất lượng, tính bền vững chưa cao (tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, phân loại rác tại nguồn, cảnh quan môi trường,...).

+ Mạng lưới giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh dài, khối lượng lớn, trong khi đó vốn ngân sách cũng còn hạn chế, việc bố trí còn chậm, nhất là nguồn vốn bố trí cho công tác duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư.

5- Kiến nghị, đề xuất

Qua thực tiễn kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với những kết quả đạt được, Nghị quyết đã thể hiện rõ vai trò, ý nghĩa, là cuộc cách mạng toàn diện, sâu sắc, đã và đang có sức lan tỏa rộng rãi trong nhân dân. Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả trong thời gian tới, tỉnh Đồng Nai có một số kiến nghị cụ thể như sau:

- Ngày 27/02/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, trong đó quy định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành ban hành cơ chế chính sách

để triển khai thực hiện. Kính đề nghị Ban Kinh tế Trung ương có ý kiến đề nghị các Bộ, ngành khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ giao, trong đó sớm ban hành Đề án đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn; Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2030.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu tham mưu Thủ tướng Chính phủ

+ Sớm ban hành khuôn khổ pháp lý (*Chương trình giai đoạn 2026-2030, cơ chế chính sách, các chương trình chuyên đề*) **trong năm 2024** để các địa phương chủ động triển khai thực hiện, xác định mục tiêu đến năm 2030 (*tránh trường hợp như giai đoạn 2020-2025, các tỉnh phải căn cứ vào Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020 để xác định mục tiêu phấn đấu của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*).

+ Ban hành các Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã, huyện mang tính chất định hướng chung, xuyên suốt trong cả giai đoạn 2026-2035 (**10 năm**) thay vì giai đoạn 05 năm như hiện nay. Trong tiến trình tổ chức thực hiện, nếu có những chỉ tiêu, tiêu chí không còn phù hợp với thực tiễn thì chỉ cần điều chỉnh, bổ sung.

Trên đây là báo cáo đánh giá sơ kết 01 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nơi nhận:

- Các đ/c TUV,
- Các cấp ủy trực thuộc tỉnh,
- Các BCS đảng, đảng đoàn, Tỉnh đoàn,
- Các ban đảng,
- CP.VPTU - D, C4, Q,
- Lưu VPTU.

Đồng kính gửi:

- Văn phòng Trung ương Đảng (a+b),
- Ban Kinh tế Trung ương.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**

**||
Hồ Thanh Sơn**